

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST

Ngày: 13-6-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-DS ngày 16/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (viết tắt: *Ngân hàng*). Địa chỉ: Số 2 Nam Kỳ Khởi Ng, phường Võ Thị S, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà) Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Ph – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Liên Chiểu thuộc Chi nhánh Đà Nẵng. Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công M – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân ; địa chỉ liên hệ: Số 695 Tôn Đức Th, phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng và bà Phan Thị Thanh T – Chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân (Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024, Quyết định về việc ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Quyết định về việc ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024, Giấy ủy quyền không số /2025/UQ-PGDLC không ngày tháng năm 2025 của Sacombank); ông M và bà T có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Kim H, sinh năm 1970; địa chỉ: K235 đường Tôn Đ, phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T, bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Ngày 08/6/2021 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) với ông Lê Kim H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1746781 ngày 08/6/2021 (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), hạn mức: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ: 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn 4,155%/tháng. Lãi và các loại phí được chấp thuận tại Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (sau đây gọi tắt là: Bản Điều khoản và điều kiện).

Trong thời gian sử dụng thẻ, ông Lê Kim H đã thực hiện 04 lần giao dịch với tổng số tiền 27.409.000đ (hai mươi bảy triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng), cụ thể: Ngày 10/6/2021 rút số tiền 26.000.000 đồng, ngày 10/12/2022 rút số tiền 232.000 đồng, ngày 10/01/2023 rút số tiền 677.000 đồng, ngày 10/3/2023 rút số tiền 500.000 đồng. Ông H đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 19 lần với số tiền là 38.769.329đ (ba mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng); trong đó, trả nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào các ngày 10/9/2023 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/01/2024 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/8/2024 trả 10.000.000 đồng, trả số lãi 18.769.329đ (mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng) từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/7/2023.

Ngân hàng xác định ông H bắt đầu vi phạm từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/7/2023 nên khoản nợ chuyển thành nợ quá hạn và ngân hàng đã cộng toàn bộ dư nợ gốc 27.409.000 đồng, lãi và phí vào dư nợ gốc cuối kỳ, cụ thể đến ngày 10/7/2023 tổng nợ gốc của ông H là 33.175.168 đồng. Sau đó, ông H đã trả được số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vào các ngày 10/9/2023 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/01/2024 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/8/2024 trả 10.000.000 đồng. Như vậy, ông H còn nợ ngân hàng tổng số tiền gốc là 13.175.167đ (mười ba triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

Do ông H đã vi phạm hợp đồng nên ngày 24/6/2023 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Sau khi ông H vi phạm hợp đồng, ngân hàng đã nhiều lần đốc thúc ông H trả tiền nhưng ông H không trả, tính đến ngày 10/6/2025 ông H còn nợ số tiền là 32.690.213đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, hai trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc là 13.175.167 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.010.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.505.015 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện ông Lê Kim H, yêu cầu Tòa án buộc ông H trả tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 32.690.213đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, hai trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc là 13.175.167 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.010.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.505.015 đồng. Buộc ông Lê Kim H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến khi ông H trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không yêu cầu tính tiền phí đối với ông H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn đề nghị bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Kim H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa và triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”. Bị đơn ông Lê Kim H có nơi cư trú tại: Phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ và Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý, giải quyết là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như các thông báo, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Quyết định tạm ngừng phiên tòa cho bị đơn ông Lê Kim H, nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện bà ông Lê Kim H, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2025 là 32.690.213đ (ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ngàn, hai trăm mười ba đồng); trong đó: Nợ gốc là 13.175.167 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.010.031 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.505.015 đồng. Buộc ông Lê Kim H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2025 cho đến khi ông H trả hết nợ, mức lãi suất được quy định tại hợp đồng và Bản Điều khoản, điều kiện cho ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn T thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc thì thấy:

Ngày 08/6/2021 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với ông Lê Kim H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, kèm hợp đồng số 1746781, hạn mức: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn sử dụng thẻ 05 năm, mục đích: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn 4,155%/tháng. Lãi và các loại phí được chấp thuận tại hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Do ông H vi phạm hợp đồng

và các thỏa thuận với ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện ông H là có căn cứ.

Theo Bảng thống kê tính lãi ngày 10/6/2025 của Ngân hàng cho thấy, trong thời gian sử dụng thẻ ông H đã thực hiện 04 lần giao dịch rút tiền, cụ thể: Ngày 10/6/2021 rút số tiền 26.000.000 đồng, ngày 10/12/2022 rút số tiền 232.000 đồng, ngày 10/01/2023 rút số tiền 677.000 đồng, ngày 10/3/2023 rút số tiền 500.000 đồng; tổng số tiền ông H rút là 27.409.000đ (hai mươi bảy triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng). Từ ngày 11/3/2023 ông H không rút tiền trong thẻ, nhưng vẫn nộp tiền vào tài khoản thẻ 19 lần với tổng số tiền trả cho ngân hàng là 38.769.329 đồng, lần cuối nộp tiền là ngày 10/8/2024, từ ngày 11/8/2024 thì ông H ngừng tất cả các giao dịch. Như vậy, từ ngày vi phạm đến ngày cuối cùng ông H nộp tiền vào tài khoản ngân hàng ngày 10/8/2024 được xác định là nợ lãi suất trong hạn và chịu lại suất 2,77%/tháng. Từ ngày 11/8/2024 đến nay ông H ngừng tất cả các giao dịch nên xác định là nợ lãi quá hạn và chịu lãi suất là 4,155%.

Quá trình xét hỏi tại phiên, đại diện ngân hàng xác định trong số tiền ông H đã trả cho ngân hàng, thì có 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc ông H nộp vào các ngày 10/9/2023 là 5.000.000 đồng, ngày 10/01/2024 là 5.000.000 đồng, ngày 10/8/2024 là 10.000.000 đồng; còn lại 18.769.329đ (mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng) là tiền lãi. Như vậy, số tiền gốc ông H còn nợ ngân hàng là 7.409.000 đồng ($27.409.000đ - 20.000.000đ = 7.409.000đ$).

Ngân hàng xác định ông H còn nợ số tiền gốc 13.175.167 đồng. Theo cách tính của ngân hàng là từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/7/2023 ông H rút số tiền 27.409.000 đồng nhưng chỉ đóng tiền lãi với số tiền 18.769.329 đồng mà không đóng tiền gốc nên ông H đã vi phạm hợp đồng nên ngân hàng cộng số tiền lãi ông H còn nợ 5.766.167 đồng tiền gốc 27.409.000 đồng lại với nhau để tính tiền nợ gốc cho ông H là 33.175.167 đồng. Vào các ngày 10/9/2023 ông H đã trả 5.000.000 đồng, ngày 10/01/2024 trả 5.000.000 đồng, ngày 10/8/2024 trả 10.000.000 đồng; tổng số tiền là 20.000.000 đồng, ngân hàng đã lấy số tiền 20.000.000 đồng trừ vào nợ gốc nên số tiền nợ gốc của ông H còn 13.175.167 đồng ($33.175.167đ - 20.000.000đ = 13.175.167đ$). Cách tính của ngân hàng như vậy là trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền gốc ngân hàng yêu cầu ông H trả cao hơn là 5.766.167 đồng ($13.175.167đ - 7.409.000đ = 5.766.167đ$).

[2.2] Xét về số tiền lãi: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thanh toán khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 10/6/2025 là 19.515.046 đồng; trong đó, lãi trong hạn là 13.010.031 đồng, lãi quá hạn là 6.505.015 đồng.

Xét thấy, theo hợp đồng hai bên ký kết xác định lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng, lãi suất quá hạn là 4,155%/tháng. Từ ngày 10/7/2021 đến ngày 10/7/2023 ông H đã rút số tiền 27.409.000 đồng và đã đóng vào tài khoản số tiền 18.769.329 đồng. Tổng số tiền lãi trong thời gian trên ông H phải trả là 19.899.432 đồng và các loại phí ông H phải trả là 4.636.064 đồng; tổng số tiền lãi và phí ông H phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng là 24.535.496 đồng. Như vậy,

sau khi trừ số tiền ông H đóng, thì ông H còn nợ ngân hàng số tiền lãi là 5.766.167 đồng ($24.535.496đ - 18.769.329đ = 5.766.167đ$).

Ngày 11/7/2023 đến ngày 09/9/2023 ông H không đóng tiền gốc, lãi. Ngày 10/9/2023 ông H mới đóng số tiền 5.000.000 đồng và ngân hàng đã trừ số tiền này vào tiền gốc. Như vậy, ông H đã vi phạm hợp đồng 02 tháng nên phải chịu khoản lãi trong hạn với lãi suất 2,77%/tháng là $27.409.000đ \times 2,77\% \times 02\text{ tháng} = 1.518.458đ$.

Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 09/01/2024 ông H không đóng tiền gốc, lãi cho ngân hàng. Ngày 10/01/2024 ông H đóng số tiền 5.000.000 đồng và ngân hàng trừ vào tiền gốc. Như vậy, ông H đã vi phạm hợp đồng 04 tháng nên chịu khoản lãi trong hạn với lãi suất 2,77%/tháng là $22.409.000đ \times 2,77\% \times 04\text{ tháng} = 2.482.917đ$.

Từ ngày 11/01/2024 đến ngày 09/8/2024 ông H không đóng tiền gốc, lãi cho ngân hàng. Ngày 10/8/2024 ông H đóng số tiền 10.000.000 đồng và ngân hàng trừ vào tiền gốc. Như vậy, ông H đã vi phạm hợp đồng 07 tháng nên phải chịu khoản lãi suất trong hạn với lãi suất 2,77%/tháng là $17.409.000đ \times 2,77\% \times 07\text{ tháng} = 3.375.605đ$.

Từ ngày 11/8/2024 đến ngày 10/6/2025 ông H không đóng tiền gốc, lãi cho ngân hàng nên toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại 7.409.000 đồng của ông H chuyển thành nợ quá hạn, với thời hạn là 10 tháng với lãi suất phải chịu 4,155%/tháng là $7.409.000đ \times 4,155\% \times 10\text{ tháng} = 3.078.439đ$.

Như vậy, số tiền lãi trong hạn ông H còn nợ là 13.143.147 đồng ($5.766.167đ + 1.518.458đ + 2.482.917đ + 3.375.605đ = 13.143.147đ$), số tiền lãi quá hạn ông H còn nợ là 3.078.439 đồng; tổng số tiền lãi ông H phải trả cho ngân hàng là 16.221.586 đồng. Do đó, số tiền lãi ngân hàng yêu cầu cao hơn số tiền lãi ông H phải trả không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 3.293.460 đồng.

Từ những phân tích trên, tổng số tiền ông H còn nợ ngân hàng là 23.630.586 đồng; trong đó, nợ gốc là 7.409.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.143.147 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.078.439 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ngân hàng yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 9.059.627 đồng.

[2.3] Đối với các khoản phí: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày tiếp theo là ngày 11/6/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 7.409.000đ (bảy triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng) chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $23.630.586đ \times 5\% = 1.181.529đ$. Nguyên đơn Ngân hàng

TMCP Sài Gòn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.059.627 đồng x 5% = 452.981 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với bị đơn ông Lê Kim H về “*Tranh chấp hợp đồng thế tín dụng*”.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tính tiền gốc với số tiền 5.766.167đ (năm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng) của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với bị đơn ông Lê Kim H.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tiền lãi với số tiền 3.293.460đ (ba triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng) của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đối với bị đơn ông Lê Kim H.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc ông Lê Kim H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng số tiền nợ tính đến ngày 10/6/2025 là 23.630.586đ (hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm tám mươi sáu đồng); trong đó: Nợ gốc: 7.409.000đ (bảy triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 13.143.147đ (mười ba triệu, một trăm bốn mươi ba ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 3.078.439đ (ba triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng).

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 11/6/2025 ông Lê Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 7.409.000đ (bảy triệu, bốn trăm không chín ngàn đồng) chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Kim H phải chịu 1.181.529đ (một triệu, một trăm tám mươi mốt ngàn, năm trăm hai mươi chín đồng).

Buộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T phải chịu 452.981đ (bốn trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm tám mốt đồng), nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 705.000đ (bảy trăm không năm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008293 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 252.019 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 13/6/2025.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh